TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 155/2024/HC-PT
Ngày 25/3/2024
V/v khiếu kiện quyết định hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;
Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà;
Bà Trần Thị Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Huyền - Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 742/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 11 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2023/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2698/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Phạm Trường K, sinh năm 1982; địa chỉ: số G, phố C, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K: Luật sư Bùi Quốc H – Công ty L – Đoàn Luật sư tỉnh V; địa chỉ: F N, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; trụ sở: số I đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND thành phố V: Ông Đào Văn Q – Phó Chủ tịch UBND thành phố V. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND tỉnh V; trụ sở: đường H, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

2. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh V; trụ sở: đường H, phường Đ, thành phố

V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

3. UBND phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh B - Chủ tịch UBND phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

4. Công ty TNHH K1; địa chỉ: số E đường N, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2022 và các đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, các lời khai tiếp theo người khởi kiện ông Phạm Trường K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K trình bày:

Ông Phạm Trường K là một trong số các hộ dân hiện đang sinh sống ổn định và canh tác ở khu xóm P (gần chùa Đ), TDP T, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (bên cạnh đập Só K).

Ngày 18/10/2022, tổ công tác của Uỷ ban nhân dân (UBND) phường K đã đến làm việc với các hộ dân đang sinh sống và canh tác ở khu X. Tại buổi làm việc tổ công tác của UBND phường K đã lập biên bản chủ sử dụng đất, lập biên bản vi phạm hành chính về đất đai. Trong quá trình làm việc với tổ công tác thông báo ông lấn chiếm trong phần đất của Công ty TNHH K1 (Công ty K1) theo Bản đồ mới vẽ tháng 5/2021 (Quyết định từ năm 2018), bản đồ trên được niêm yết tại Nhà văn hóa T2, phường K. Đến ngày 01/11/2022, ông được cán bộ UBND phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc giao cho Quyết định xử phạt số 3320/QĐ-XPVP ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (viết tắt là Quyết định số 3320) do ông Đào Văn Q - Phó Chủ tịch UBND thành phố V ký về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi "Chiếm đất trồng cây lâu năm". Ông K nhận thấy Quyết định số 3320 trên là không có căn cứ và đang xâm phạm nghiêm trọng tới quyền, lợi ích hợp pháp của ông K cũng như của các hộ dân khác trong khu vực, với các lý do sau:

Thứ nhất: Anh Phùng Văn D cho ông K mảnh đất khai hoang từ 2008. Năm 2011 ông Phạm Trường K xây nhà ở cho đến nay. Ông Phạm Trường K sinh sống ổn định và không có tranh chấp gì với ai, các hộ dân sống lâu năm ở đây từ trước những năm 1980 cũng đã xác nhận là Công ty K1 chưa đền bù đến khu vực ông K ở và canh tác, các cấp chính quyền đều không thấy có ý kiến gì. Vì vậy, đoàn công tác cho rằng ông K chiếm đất và lập biên bản vi phạm hành chính về đất đai là không có căn cứ (ông K chiếm của ai, vi phạm hành chính từ thời điểm nào còn thời hiệu theo quy định của pháp luật không) đề nghị Toà án xem xét.

Thứ hai: Đất ông K đang quản lý sử dụng là đất khai hoang đã nhiều năm không có tranh chấp gì. Quá trình sống đại diện Công ty K1 cũng thừa nhận phần đất ông K đang sử dụng không nằm trong diện tích đất mà nhà nước đã giao cho

Công ty K1. Một số người lớn tuổi đã sống ở đây nhiều năm và lãnh đạo chính quyền địa phương qua các thời kỳ đều biết rõ.

Thứ ba: Tổ công tác của UBND phường K cho ông K xem một bản đồ được đo vẽ theo quyết định của UBND tỉnh V từ năm 2018, nhưng đến tháng 5/2021 mới đo vẽ, và đến tháng 7/2021 mới được niêm yết ở Nhà văn hóa T2, đó chỉ là bản đồ hiện trạng không đúng như bản đồ giao đất cho Công ty K1 tháng 4/1996, theo Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 31/01/1997 của UBND tỉnh V (viết tắt Quyết định số 169) lấy bản đồ hiện trạng vẽ tháng 5/2021 đó để xác định ông K chiếm đất và vi phạm hành chính về đất đai là trái với quy định.

Thứ tư: Qua tìm hiểu, ông K được biết từ năm 1997 khi Nhà nước giao đất cho Công ty K1 thì tổng diện tích đất giao trên địa bàn phường K, V là 90,06ha. Khi bản đồ trên được đo vẽ lại năm 2021 đã đo vẽ lấn hết vào đất ông K đang sử dụng, lấn nhiều vào đất trồng cây lâm nghiệp (thuộc Dự án 327) cụ thể là hộ ông Phùng Xuân H1 nhưng tổng diện tích đo vẽ lại của Công ty K1 theo bản đồ này cũng chỉ được hơn 70ha. Vậy tính pháp lý của bản đồ này như thế nào, việc giao đất cho Công ty K1 năm 1997 đã rõ ràng chưa, hơn 20 ha đất thiếu này đã đi đâu, trách nhiệm thuộc về ai.

Thứ năm: Tại Kết luận thanh tra số 39/KL-TTr ngày 02/04/2019 của Thanh tra tỉnh Vĩnh Phúc về việc thực hiện Quyết định số 202/QĐ-TTr ngày 27/09/2018 của Chánh thanh tra tỉnh Vĩnh Phúc thanh tra công tác quản lý Nhà nước về đất đai, xử lý các trường hợp về lấn, chiếm, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, xây dựng các công trình trái pháp luật trên địa bàn các phường K, L và xã Đ, thành phố V đều không thanh tra gì đến đất hộ ông K, vì đất ông đang canh tác sử dụng là đất khai hoang, không liên quan gì đến đất của Công ty K1.

Thứ sáu: Năm 2020 UBND thành phố V, UBND phường K tổ chức huy động mấy trăm cán bộ chiến sỹ cùng máy móc đã đến cưỡng chế, tháo dỡ, san lấp các trường hợp vi phạm lấn, chiếm, sử dụng đất không đúng mục đích, xây dựng công trình trái phép trên đất của Công ty K1 đã bị thu hồi (phía sau giáp đất của hộ ông K đang sử dụng đất) thì chỉ thực hiện việc cưỡng chế, tháo dỡ và san lấp các hộ dân vi phạm khác không liên quan gì đến đất khai hoang của hộ ông K. Nhưng không hiểu sao đến tháng 05/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V thực hiện việc đo đạc vẽ bản đồ Công ty K1 (Mảnh trích đo số 47), lại tự ý đo vẽ đất của ông K thuộc đất thu hồi của Công ty K1, hơn thế nữa mốc giới của bản đồ này giữa đất của Công ty K1 và đất đập Só Keo do UBND phường K quản lý, lại vẽ theo con đường bê tông mà người dân trong khu vực tự bỏ tiền ra làm cuối năm 2020 để đi lại cho thuận tiện. So với diện tích giao đất cho Công ty K1 được thể hiện trong Bản đồ giao đất năm 1997, thì ranh giới diện tích đất thu hồi của Công ty K1 được thể hiện trong Mảnh trích đo số 47 là hoàn toàn sai lệch, không trùng khớp nhau, mảnh trích bản đồ mới đo vẽ năm 2021 vẽ lấn hết cả vào phần đất hoang ông K đang sử dụng.

Thứ bảy: Bản thân ông Phùng Xuân H1 là người đã sống ở khu vực TDP Trại Giao và đang sử dụng đất từ rất lâu rồi. Ông H1 còn là tổ trưởng tổ sản xuất của TDP Trại Giao từ khi đắp đập Só K, ông là người quản lý trực tiếp trạm bơm, khai hoang, trồng cây từ trước những năm Nhà nước giao đất cho Công ty K1 đã khẳng định: Kể từ khi bộ đội và nhân dân đắp đập Só Keo, ông H1 là tổ trưởng tổ sản xuất thuộc HTX K, ông là người trông giữ quản lý trạm bơm và khai hoang làm lương trước khi Nhà nước giao đất cho Công ty K1, diện tích đất khai hoang làm nương của các hộ dân quanh bờ hồ khi đó đều cách mép hồ ít nhất là 100 mét thì mới đến đất của Công ty K1.

Từ những lý do trên, yêu cầu Tòa án: Tuyên huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3320/QĐ-XPVP ngày 25/10/2022 (viết tắt là Quyết định số 3320) do ông Đào Văn Q ký, vì ông không chiếm đất, diện tích đất ông đang sử dụng không nằm trong phần diện tích đất bị thu hồi của Công ty K1.

** Người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố V trình bày:*

1. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến nguồn gốc, diện tích đất ông Phạm Chí D1 mà sau này ông K là người đang trực tiếp sử dụng: Ngày 31/01/1997, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 169/QĐ-UB (viết tắt là Quyết định số 169) về việc thu hồi 116,072 ha đất thuộc phường L và xã K, thị xã V để giao cho Công ty K1 trồng mía theo dự án được UBND tỉnh phê duyệt (trong đó có 90,06ha đất thuộc xã K là phường K). Ngày 04/3/1997, Sở Đ, Phòng Địa chính V, Phòng T3, Tổ Nông nghiệp thị xã V, UBND xã K đã tiến hành bàn giao mốc giới tại thực địa diện tích đất 90,06 ha tại xã K cho Công ty K1. Ngày 08/3/1997, UBND thị xã V, UBND xã K, Công ty K1 đã làm việc về nội dung đền bù cây bạch đàn chu kỳ II trên diện tích 90,6ha đất thu hồi theo Quyết định 169. Ngày 13/3/1997 của UBND thị xã V đã ban hành Quyết định số 27/QĐ-UB về việc phê duyệt giá đền bù cây bạch đàn chu kỳ II trên diện tích 90,06 ha thu hồi tại địa điểm xã K.

Ngày 29/8/2018, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 1992/QĐ-UB (viết tắt Quyết định 1992) về việc thu hồi đất của Công ty K1 do hết hạn sử dụng đất và không được gia hạn theo quy định của pháp luật đất đai, địa điểm tại các xã, phường :, Liên B1 và K, thành phố V. Năm 2021, Sở T tiến hành thiết lập Mảnh trích đo địa chính số 47-2021, thu hồi đất Công ty K1 tại phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (đo đạc theo Quyết định 1992), xác định thửa đất ông Phạm Trường K đang sử dụng là thửa đất số 181,188, 196 diện tích 654,3m^2, loại đất: đất trồng cây lâu năm (CLN).

2. Về trình tự, thủ tục thiết lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với ông Phạm Trường K:

Ngày 14/9/2022, UBND phường K có Biên bản làm việc về việc xác minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất. Ngày 17/10/2022, UBND phường K lập Biên bản vi phạm hành chính số 67/BB-VPHC. Ngày 18/10/2022, Chủ tịch UBND

phường K có Tờ trình số 245/TTr-UBND ngày 18/10/2022 về việc đề nghị ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ quy định tại Điều 38, Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ; Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 3320 về xử lý vi phạm hành chính đối với ông K. Ngày 27/10/2022, UBND phường K bàn giao Quyết định số 3320 về xử lý vi phạm hành chính cho ông K nhưng ông K không nhận quyết định.

Hết thời gian tự nguyện chấp hành theo Quyết định số 3320 nhưng ông K không tự nguyện chấp hành, ngày 17/11/2022, Chủ tịch UBND phường K có Tờ trình số 314/TT-UBND trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 23/11/2022, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3623/QĐ-CCXP (viết tắt là Quyết định 3623) về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông K.

3. Quan điểm của UBND thành phố: Việc Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3320 về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 3623 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Phạm Trường K là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữ nguyên Quyết định số 3320/QĐ-XPHC ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V.

** Người đại diện hợp pháp của UBND tỉnh V trình bày:*

- Về việc giao đất cho Công ty K1: Năm 1997 UBND tỉnh V có các Quyết định số 228/QĐ-UB ngày 24/2/1997 về việc phê duyệt dự án khả thi đầu tư mở rộng vùng mía 2 năm 1997-1998 và Quyết định số 868/QĐ-UB ngày 24/7/1997 về việc phê duyệt dự án trồng cây ăn quả tập trung giai đoạn 1997-1999 của Công ty K1. Công ty K1 được UBND tỉnh V (cũ) và UBND tỉnh V giao 140,547ha đất thuộc phường L, xã K và xã Đ, thành phố V để thực hiện dự án trồng mía, sau đó chuyển sang trồng cây ăn quả tại 02 quyết định: Quyết định số 2140/QĐ-UB ngày 07/11/1995 của UBND tỉnh V (cũ), giao 244.750m^2 (24,475 ha) và Quyết định số 169 của UBND tỉnh V, giao 116,072 ha. Như vậy, việc giao đất cho Công ty K1 phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 24 Luật Đất đai 1993.

Quá trình biến động đất đai và việc thu hồi đất của Công ty K1: Do các yêu cầu về phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, UBND tỉnh V đã có 07 quyết định thu hồi với diện tích 31,47ha đất đã giao cho Công ty K1 để giao cho các tổ chức khác sử dụng. Trong đó tại phường K thu hồi và giao xây dựng bãi rác 9374m^2 (0,9374ha); thu hồi và giao đất cho Công ty C đô thị 5.850m^2 (0,585ha); thu hồi giao UBND thị xã V quản lý, sau đó UBND Vĩnh Yên giao cho hộ ông Trần Văn M diện tích 10,5ha; Diện tích còn lại theo hồ sơ thu hồi từ Công ty K1 78,0376ha.

Trong quá trình sử dụng đất của Công ty K1, từ năm 2002 cho đến nay các cơ quan nhà nước đã tiến hành nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất của Công ty K1. Các vi phạm trong quản lý, sử dụng đất đai của Công ty K1 và hộ gia đình, cá nhân được Công ty giao quyền sử dụng đất diễn ra trong thời gian dài, các sai phạm đó của Công ty K1 đã được chỉ ra và kiến nghị xử lý qua mỗi lần các cơ quan nhà nước thực hiện thanh, kiểm tra.

Theo kết luận của đoàn T4 *(được thành lập theo Quyết định số 3233/QĐ-CT ngày 27/11/2012 và số 3714/QĐ-CT ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh V)* đã xác định quá trình sử dụng đất được giao, Công ty TNHH K1 không thực hiện triển khai dự án theo đúng quyết định của UBND tỉnh về giao đất và phê duyệt dự án; sử dụng đất kém hiệu quả, sai mục đích; cố ý hủy hoại đất; tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giao đất cho người khác sử dụng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép vi phạm pháp luật về đất đai được quy định tại Điều 78[b] Luật Đất đai sửa đổi năm 1998 và năm 2001; khoản 3, 4 Điều 38 và khoản 2, Điều 109 Luật Đất đai 2003.

Do vậy, Sở T đã có Văn bản số 1870/STNMT-CCQLĐĐ ngày 15/9/2016 kiến nghị UBND tỉnh đồng ý chủ trương thu hồi đất đối với khu đất Công ty TNHH K1 (được giao để thực hiện dự án trồng mía tại các Quyết định số 2140/QĐ-UB ngày 07/11/1995 và Quyết định 169) và được UBND tỉnh chấp thuận, chỉ đạo thực hiện tại Văn bản số 9384/UBND-NN2 ngày 26/12/2016. Trước khi ban hành quyết định thu hồi đất, UBND tỉnh V đã ban hành Thông báo số 19/TB-UBND ngày 16/02/2017 thông báo thu hồi đất do hết hạn sử dụng đất theo quy định cùa pháp luật đất đai, địa điểm tại các, phường: Định Trung, Liên B1 và K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Kể từ thời điểm UBND tỉnh V ban hành thông báo thu hồi đất, Công ty K1 không có kiến nghị bằng văn bản về chủ trương thu hồi đất của UBND tỉnh V. Tiếp đó, ngày 08/12/2017, Sở T đã có Tờ trình số 624/TTr-STNMT trình UBND tỉnh V thu hồi diện tích đất còn lại của Công ty TNHH K1 do hết hạn sử dụng đất và không được gia hạn. Ngày 29/8/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1992 về việc thu hồi đất của Công ty K1. Tại Điều 1 Quyết định số 1992 có nêu: Diện tích thu hồi thực tế sẽ được đo đạc lại để đảm bảo tính chính xác.

Thực hiện theo nhiệm vụ, Văn phòng Đ1 (viết tắt VPĐKĐ) đã hoàn thành việc đo đạc, có xác nhận đo vẽ phù hợp với hiện trạng của UBND xã Đ, UBND phường L, UBND phường K và xác nhận của ông Đường Ngọc S, theo đó diện tích thu hồi được xác định chính xác là 77,75ha. Trong đó: Diện tích tại phường Đ là 12,44ha; tại phường L là 14,25 ha; tại phường K là 51,06ha. Kết quả đo đạc hiện trạng đã được Sở T tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tại Tờ trình số 500/TTr-UBND ngày 06/12/2021.

Như vậy, việc UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 1992 về việc thu hồi đất của Công ty K1 do hết hạn sử dụng đất và không được gia hạn theo quy định của pháp luật đất đai, địa điểm tại các xã, phường :, Liên B1 và Khai Q1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc là phù hợp quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai 2013.

UBND tỉnh V đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi các bên theo quy định.

** Người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V trình bày:*

Sau khi UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 1992 thu hồi đất của Công ty K1, trong đó có đất thuộc phường K, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ1 được giao tiến hành đo vẽ, sau khi hoàn tất phòng đo đạc bản đồ và Viễn thám - Sở T đã nghiệm thu đối với M1 trích đo địa chính số 47 - 2021 thu hồi đất của Công ty K1 tại phường K, thành phố V.

** Người đại diện hợp pháp của UBND phường K trình bày:*

- Về nguồn gốc, diện tích đất ông D1 sau đó chuyển giao cho ông K đang sử dụng: Thống nhất với ý kiến người khởi kiện.

Năm 2021, Sở T lập Mảnh trích đo địa chính số 47 - 2021 thu hồi đất Công ty K1 tại phường K, thành phố V, xác định thửa đất ông Phạm Trường K đang sử dụng là các thửa đất số 181, 188, 196 diện tích 654,3m^2, loại đất: Đất trồng cây lâu năm (CLN).

Về trình tự, thủ tục thiết lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với ông Phạm Trường K:

Ngày 14/9/2022, UBND phường K có Biên bản làm việc về việc xác minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và thiết lập Biên bản vi phạm hành chính số 67/BB-VPHC ngày 17/10/2022.

Nội dung cụ thể biên bản xác minh: Nguồn gốc đất, công trình trên đất: Năm 2010 ông K mua lại của ông Phùng Văn D, ở TDP T, K, khi mua đây là nhà sàn 02 tầng trên đất. Đến năm 2018 ông K sửa chữa, cải tạo lại nhà để ở. Từ năm 2010 đến năm 2018 ông K không sử dụng và ở thường xuyên trên công trình chỉ cuối tuần vào công trình chơi. Từ năm 2018 đến nay sau khi cải tạo sửa chữa xong thì ông K ở thường xuyên trên thửa đất này, gia đình ông đang dùng nước giếng khoan, điện đã có từ khi ông K mua của ông D. Đây là thửa đất trước đây ông D sử dụng để ở và trồng sắn, khi mua lại của ông D thì không có giấy tờ gì về việc mua bán, giấy tờ về công trình và quyền sử dụng đất, không có các giấy tờ về việc mua vật liệu để cải tạo, sửa chữa nhà. Trên đất hiện có 01 ngôi nhà 2 tầng, diện tích 140m^2, vườn, tường bao quanh.

- Lập biên bản vi phạm hành chính ghi nhận: Căn cứ Quyết định số 169 về việc thu hồi 116,072ha đất thuộc phường L và xã K, thị xã V để giao cho Công ty K1; Quyết định số 1992 thu hồi đất của Công ty K1; Mảnh trích đo địa chính số 47-2021 thu hồi đất Công ty K1 tại phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc *(đo đạc theo Quyết định số 1992 của UBND tỉnh V)* đã xác định ông K vi phạm pháp luật đất đai.

Cụ thể: Chiếm đất trồng cây lâu năm tại khu vực đô thị với diện tích 654,3m^2 (= 0,06543ha). Địa điểm vi phạm thuộc Tổ dân phố T, phường K. Tại thửa đất số 181+196+188 Mảnh trích đo địa chính số 47-2021 thu hồi của Công ty K1.

Thời điểm vi phạm: Năm 2010; thời điểm phát hiện: Ngày 17/10/2022. Theo quy định tại: Điểm b khoản 2 điều 14 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Khi lập biên bản ông K có mặt nhưng không ký vào biên bản và không nhận biên bản làm việc. Ngày 18/10/2022, Chủ tịch UBND phường K có Tờ trình số 245/TTr-UBND về việc đề nghị ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Đối chiếu với quy định tại Điều 38, Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ, Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 3320 về xử lý vi phạm hành chính đối với ông K.

Ngày 27/10/2022, UBND phường K bàn giao Quyết định số 3320 về xử lý vi phạm hành chính cho ông Phạm Trường K. Hết thời gian tự nguyện chấp hành theo Quyết định số 3320 nhưng ông K không tự nguyện chấp hành, ngày 17/11/2022, Chủ tịch UBND phường K có Tờ trình số 314/TTr-UBND trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 23/11/2022, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 3623 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông K.

Quan điểm của UBND phường K: Việc Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3320 về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 3623 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông K là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số 3320 và Quyết định số 3623 của Chủ tịch UBND thành phố V.

** Người đại diện hợp pháp của Công ty K1 trình bày:*

Công ty K1 được Nhà nước giao đất để thực hiện dự án trồng mía, trồng cây ăn quả tại 3 xã phường: K, Liên Bảo, Đ thuộc thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (bao gồm quyết định giao đất và bản đồ giao đất) cụ thể tại Quyết định số 210/QĐ-UB ngày/11/1995 của UBND tỉnh V giao 24,475ha tại xã Đ và Quyết định số 69 của UBND tỉnh V giao 116,072 ha, trong đó phường L là 26,012ha và Khai Q1 là 90,06ha. Hiện nay khu đất trên đã được UBND tỉnh V ra quyết định thu hồi đất tại quyết định số 19928 do hết hạn sử dụng. Công ty đã phối hợp cùng các cơ quan có

thẩm quyền đo đạc để lập bản đồ địa chính thu hồi đất còn việc kiểm đếm cây cối hoa màu thì đến nay vẫn chưa thực hiện. Về chủ trương thu hồi đất khi hết hạn sử dụng và không được gia hạn theo quy định của Luật Đất đai Công ty K1 hoàn toàn nhất trí theo chủ trương của Nhà nước và pháp luật.

Trong rất nhiều cuộc họp cũng như làm việc với các đoàn của UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở TNMT và các cơ quan hữu quan, công ty đã nêu quan điểm rõ ràng rằng việc giao đất và bản đồ giao đất thực tế chỉ là trên quyết định, còn thực tế Công ty phải đi đền bù giải phóng, ngoài những khu vực của tổ chức như là Hợp tác xã Khai Quang, Liên Bảo, thì Công ty còn phải đi giải phóng của rất nhiều hộ dân và cũng còn rất nhiều khu vực chưa đền bù được. Chính vì vậy khi hết hạn và không được Nhà nước gia hạn thì UBND tỉnh V ra quyết định thu hồi và theo yêu cầu của cơ quan chức năng, công ty cũng tích cực phối hợp để đo đạc theo bản đồ giao đất cũ từ những năm 1996 - 1997, đo theo chiều dài cạnh thửa ngày xưa đo tay (không có tọa độ vn2000) và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường lập mảnh trích đo địa chính thu hồi. Chính bởi vậy mà diện tích đo đạc được sau khi đã trừ đi diện tích mà Nhà nước trước đây đã thu hồi và giao cho một số tổ chức cá nhân khác thì bị thiếu rất nhiều so với quyết định giao đất ban đầu. Việc UBND tỉnh V có quyết định thu hồi đất và yêu cầu công ty trả toàn bộ diện tích theo quyết định giao đất là chưa hợp lý, với những phần diện tích mà ông Phạm Chí D1 sau này là ông K sử dụng thì trên đó hiện tại đang có rất nhiều tài sản là cây trồng, vật kiến trúc và vẫn đang chờ phương án hỗ trợ đền bù của Nhà nước theo quy định. Về việc khởi kiện giữa các bên Công ty không nắm được sự việc liên quan đến việc các hộ dân xây dựng và bị UBND thành phố V ra các quyết định xử lý vi phạm, buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả. Việc các hộ dân tự ý lấn chiếm xây dựng trái phép (nếu có) thuộc thẩm quyền của chính quyền các cấp. Công ty không có bất cứ ý kiến gì tham gia vào việc khởi kiện của các bên. Tuy nhiên công ty chỉ nêu thêm ý kiến về việc đền bù giải phóng thì cũng có những khu chưa giải phóng để thực hiện dự án đó, đề nghị các cơ quan chức năng kiểm tra làm rõ. Công ty sẽ phối hợp tích cực với các cơ quan tố tụng trong việc giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

** Người làm chứng ông Phùng Văn H2 trình bày:*

Gia đình ông H2 đã sinh sống ở T, phường K từ thời cha ông qua 3-4 thế hệ đến nay. Ông và ông Phùng Văn D, Phùng Văn H3 có mối hệ chú cháu ruột. Ông D là em trai ruột ông H3. Khoảng năm 1997 Công ty K1 trúng đấu thầu đất trồng mía, dứa thuộc vị trí tại Xó D, Đ (bây giờ gọi là tổ dân phố T - K). Từ khu vực đấu thầu của Công ty K1 cách đường cũ (phía ngoài mặt đường) khoảng 100m là đất của các hộ dân khai hoang, phục hóa. Trước đó khoảng những năm 1993 - 1994, anh em ông Phùng Văn D có làm nhà lán 5 gian, lợp lá để ở và trông ao cá và nương rẫy của gia đình, ngoài ra còn có các công trình phụ khác. Khi ông D làm nhà lán có xin ông một số cây tre, gỗ để làm nhà ông không những cho mà còn đến làm giúp (ao cá này gia đình ông D khai hoang để thả cá, ngoài ra ông D còn khai hoang đất ruộng bên cạnh ao để trồng sắn, diện tích cụ thể khai hoang bao nhiêu thì H2 không nắm được),

ao cá cách phần đất đấu thầu của Công ty K1 khoảng 100m hướng lên núi, nhưng nay ao đã bị lấp (hiện nay vẫn còn giếng nước, giếng nằm trong khu vực nhà ông Phạm Trường K ở bây giờ; vị trí nhà 5 gian lợp lá trước kia nay vẫn thuộc vị trí nhà ông H4 đang ở). Năm 1997 - 1998 ông đấu thầu rừng 327 của nhà nước (diện đấu thầu khi đó ai có điều kiện thì ra xã để làm thủ tục đấu thầu), ông trúng thầu diện tích khoảng 19,5ha vị trí từ sườn Núi Bông lên đỉnh Núi Đinh, thời hạn đấu thầu là 15 năm. Khi hết hạn đấu thầu thì nhà nước chuyển sang rừng 661 (tức là vẫn được đấu thầu tiếp tại vị trí đó nhưng không thời hạn). Phần đất ông được giao đấu thầu không liên quan gì đến đất Công ty K1 vì phần ông được giao ở phía trên đỉnh Núi Bông và Núi Đinh . Năm 2021 khi nhà nước đo vẽ thu hồi đất Công ty K1 còn đo lấn sang phần đất do ông quản lý gần 02 ha, ông đã báo cáo trực tiếp với UBND phường K. Ông được biết khi Công ty K1 được giao đất trồng mía, dứa thì hàng ngày hàng tháng đều có đội ngũ bảo vệ, nhân công trực ở đó để trồng trọt, chăm sóc và trông nom. Thời điểm đó, trên khu đất vỡ hoang chủ yếu trồng sắn, các hộ dân khai hoang thì đất của ai vỡ hoang người đó ra trồng trọt, mãi đến năm 2005 - 2006 có một số hộ dân ra ở. Bản thân ông D cũng thường xuyên lên đó để trông coi tài sản, còn nhà ông D ở H, K. Năm 1978 ông là tổ trưởng sản xuất của TDP Trại Giao từ khi đắp đập Só K, ông là người quản lý trực tiếp trạm bơm, khai hoang, trồng cây từ trước những năm nhà nước giao đất cho Công ty K1. Ông khẳng định kể từ khi bộ đội và nhân dân đắp đập Só Keo (vị trí hồ K hiện nay vẫn còn) ông là người trông giữ quản lý trạm bơm và khai hoang làm nương của các hộ dân quanh bờ hồ khi đó đều cách mép hồ ít nhất là 100m thì mới đến đất của Công ty K1. Ngoài nội dung trên ông H2 không trình bày nội dung nào khác.

**Người làm chứng ông Dương Đình T trình bày:*

Gia đình ông đã sinh sống ở T, phường K từ thời cha ông qua 3-4 thế hệ đến nay. Ông và ông Phùng Văn D, Phùng Văn H3 có mối quan hệ là bác cháu, tức là mẹ của ông D và ông H3 là em gái họ của ông. Ông D là em trai ruột của ông H3.

Khu Trại Giao trước đây là đất của Bộ Tư lệnh thiết giáp chạy dài từ núi T1 sang núi B vòng về B vào ria chùa Đ, nối tiếp Xó D2. Từ năm 1977 không còn xe tăng của Bộ Tư lệnh thiết giáp nữa thì ông trực tiếp ra khai hoang trồng sắn diện tích khoảng hơn 4000m^2 vị trí khai hoang từ chùa Đ lên đến khu vực Đ, lúc đó chưa có đập Só Keo.

Khoảng năm 1983 ông có cho cháu là Phùng Văn H3 và Phùng Văn D toàn bộ diện tích ông đã khai hoang, khi cho không có giấy tờ gì vì là bác cháu trong nhà. Sau đó ông H3, ông D sử dụng như thế nào và tặng cho ai thì ông không biết. Bản thân ông cho anh D và H3 toàn bộ diện tích đất vì ông cũng có nhiều đất và không sử dụng chỗ đó.

Khoảng năm 1990 Công ty K1 được giao đất trúng đấu thầu trồng mía, dứa thì ông không biết vị trí giao cụ thể nhưng chỉ biết là không giao đến chỗ đất mà ông khai hoang. Sau khi cho ông D và H3 thì ông không liên quan gì đến thửa đất đó nữa, ông cũng không được nhận bồi thường bất kì khoản gì từ thửa đất vỡ hoang đã

cho. Hiện nay ông đang sinh sống ở xóm Đ, TDP T, K, V, cách thửa đất khai hoang cũ khoảng 200m. Thời điểm cho ông D và ông H3 đất, trên toàn bộ khu đất vỡ hoang ở đó chủ yếu trồng cây sắn, chứ không có nhà cửa gì. Việc ông D, ông H3 bán hay chuyển nhượng hay tặng các thửa đất cho ai như thế nào ông không nắm được cụ thể, ông chỉ biết nguồn gốc là đất khai hoang.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2023/HC-ST ngày 21/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trường K về việc đề nghị hủy Quyết định số 3320/QĐ-XPVP ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc xử phạt vi phạm hành chính.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 05/10/2023, người khởi kiện là ông Phạm Trường K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Phạm Trường K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới.

Ông K cho rằng nguồn gốc đất ông ở là được ông D cho từ năm 2010, năm 2011 ông K làm nhà như hiện nay. Ông D được ông T cho, đất này ông T khai hoang từ những năm 1980 đến 1990. Ông K không có bất kỳ giấy tờ nào về đất và nhà bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khắc phục hậu quả. Ông K cũng không đăng ký đất đai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cũng không làm nghĩa vụ tài chính nào của nhà đất với Nhà nước.

Người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt. Không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm; Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Ông K kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông K sử dụng đất không có giấy tờ, không được giao đất của cơ quan có thẩm quyền, khi xây dựng cũng không được phép. Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông K là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng

hành chính, bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày, tài liệu của các bên đương sự đã xuất trình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính: Ngày 13/02/2023 ông K làm đơn khởi kiện Quyết định số 3320 ngày 25/10/2022 về xử phạt vi phạm hành chính, của Chủ tịch UBND thành phố V. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định pháp luật. Trong vụ án này mặc dù ông K không khởi kiện đối với Quyết định số 756/QĐ-ĐC ngày 03/4/2023 đính chính Quyết định 3320 và 3623. Tuy nhiên do Quyết định 756 liên quan đến Quyết định 3320 nên Toà án cấp sơ thẩm xem xét cả đối với Quyết định 756 là đúng.

[1.2]. Các đương sự được triệu tập hợp lệ lần thứ 2: Căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Về nội dung: Ông K kháng cáo toàn bộ bản án. Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét toàn bộ quyết định của bản án.

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị huỷ Quyết định hành chính:

[2.1.1]. Về thẩm quyền ban hành Quyết định: Căn cứ các Quyết định giao quyền số 3173/QĐ-GQXP ngày 20/10/2021 về giao quyền xử phạt hành chính; Quyết định số 980/QĐ-GQCC ngày 19/4/2022 về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND thành phố V; Căn cứ các Điều 38, 57, 68, 70, 78 và 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ; Phó Chủ tịch UBND thành phố V đã ký thay Chủ tịch UBND thành phố V ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm của ông K là đúng thẩm quyền.

Quyết định số 3320 được Chủ tịch UBND thành phố V ban hành đúng về thể thức văn bản theo các mẫu ban hành kèm theo Nghị định số: 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Tuy nhiên trong quá trình soạn thảo các quyết định hành chính có sai sót tại phần ghi về "THẨM QUYỀN BAN HÀNH" của Quyết định số 3320 (và cả Quyết định số 3623). Theo quy định phải ghi là "CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ VĨNH

YÊN", và phó chủ tịch ký thay chủ tịch U, nhưng quyết định lại ghi ngay là "PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ VĨNH YÊN" là chưa chính xác. Tuy nhiên sai sót này không làm thay đổi bản chất sự việc, Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 756 ngày 03/4/2023 đính chính Quyết định số 3320 (và cả Quyết định số 3623) là đúng quy định.

[2.1.2]. Về trình tự thủ tục lập hồ sơ vi phạm hành chính:

Ngày 14/9/2022, UBND phường K có Biên bản làm việc về việc xác minh nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và thiết lập Biên bản vi phạm hành chính số 67/BB-VPHC ngày 17/10/2022, biên bản xác minh thể hiện:

Nguồn gốc đất, công trình trên đất:

UBND xác định: Năm 2016 ông K mua lại của ông Phùng Văn D, thửa đất này trước đây ông D sử dụng để trồng sắn. Khi mua là nhà sàn 2 tầng trên đất. Từ năm 2010 đến 2018 ông K không sử dụng, chỉ cuối tuần thì vào công trình chơi. Sau đó đến năm 2018 ông K sửa chữa, cải tạo lại nhà để ở.

Mặc dù ông K trình bày được cho đất từ năm 2010 xây nhà năm 2011. Nhưng ông K cũng thừa nhận không có bất cứ giấy tờ gì để chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, hoặc giao đất. Khi xây nhà cũng không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào với Nhà nước, cũng không đăng ký đất đai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Do đó UBND lập biên bản vi phạm hành chính xác định ông K có hành vi chiếm đất trồng cây lâu năm tại khu vực đô thị với diện tích 654,3m^2 (0,06543 ha), địa điểm vi phạm thuộc Tổ dân phố T, phường K; là có căn cứ. Đối chiếu với quyết định giao đất và tọa độ được xác lập, thửa đất ông K vi phạm là thửa số 181+196+188, Mảnh trích đo địa chính số 47-2021 thuộc đất giao cho Công ty K1, đã bị thu hồi. Thời điểm vi phạm: Năm 2010; thời điểm phát hiện: Ngày 17/10/2022. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 và khoản 5 Điều 14 của NĐ số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Khi lập biên bản ông K có mặt nhưng không ký vào biên bản và không nhận biên bản làm việc. Ngày 18/10/2022, Chủ tịch UBND phường K có Tờ trình số 245/TTr-UBND về việc đề nghị ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ngày 20/10/2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T3 có Tờ trình số 1101/TTr-TNMT về việc đề nghị ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ngày 25/10/2022, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3320 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông K.

Như vậy, mặc dù hành vi vi phạm được phát hiện không kịp thời. Nhưng khi phát hiện vi phạm Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3320 là

đúng về trình tự thủ tục.

[2.1.3]. Về căn cứ áp dụng hình thức xử phạt:

Về căn cứ áp dụng hình thức xử phạt: Ông K vi phạm pháp luật đất đai, cụ thể: Chiếm đất trồng cây lâu năm tại khu vực đô thị với diện tích 347,8m^2 + 306,5m^2 (0,06543 ha). Địa điểm vi phạm thuộc Tổ dân phố T, phường K, tại thửa đất số 181+196+188, Mảnh trích đo địa chính số 47-2021 thu hồi của Công ty K1.

Như trên đã phân tích, đất do ông K sử dụng là đất lấn chiếm do đó không được ghi nhận trong các bản đồ địa chính cũng như của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Thửa đất ông K đang quản lý theo Bản đồ 299 lập năm 1987 thuộc tờ bản đồ số 04, thể hiện là đồi; theo Bản đồ Vn 2000 thuộc thửa 194 và thửa 130, tờ bản đồ số 06; theo số dã ngoại và tính diện tích thể hiện tên chủ sử dụng là Công ty K1.

Ông K cho rằng diện tích đất ông đang sử dụng không nằm trong chỉ giới thu hồi của Công ty K1, việc đo đạc, cắm mốc và thiết lập Mảnh trích đo 47 - 2021 không đúng, không đảm bảo, các mốc giới không đúng với bản đồ giao đất cho Công ty K1 năm 1997. Tuy nhiên, Công ty K1 cũng thừa nhận chưa nhận hết đất được giao. Đất ông K quản lý sử dụng không thuộc quản lý trên thực tế của Công ty K1 cũng không làm thay đổi bản chất đất ông K sử dụng là đất lấn chiếm, vi phạm quy định về quản lý đất đất đai của Nhà nước.

Do đó, Chủ tịch UBND thành phố V đã căn cứ điểm a khoản 2 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai để ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 15.000.000đ, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm đối với ông K là đúng quy định.

[2.1.4]. Đối với việc buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là 17.861.149 đồng theo Quyết định số 3320. Nay Chủ tịch UBND thành phố V đã hủy phần xử phạt trên theo Quyết định số 1440/QĐ-SĐBSHB ngày 21/6/2023, đến nay quyết định trên đã có hiệu lực pháp luật, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ông K không có ý kiến gì đối với Quyết định 1440, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét đối với Quyết định 1440.

Như vậy, hồ sơ xử lý vi phạm hành chính do UBND phường K lập, sau đó có tờ trình và Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3320 xử phạt hành chính đối với ông K và buộc ông K phải thực hiện áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc trả lại diện tích đất đã lấn chiếm đã đảm bảo về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành, đúng quy định pháp luật. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của của ông K là có căn cứ.

[2.2]. Về án phí sơ thẩm và các vấn đề khác, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm đã phù hợp quy định của pháp luật.

Do đó cần chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát, căn cứ Khoản 1

Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Phạm Trường K giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.3]. Trong thời gian vừa qua tình trạng vi phạm hành chính liên quan đến đất đai diễn ra hết khá phổ biến, các hành vi lấn chiếm đất, sử dụng đất sai mục đích, xây dựng công trình trái phép trên địa bàn phường K, thành phố V nói riêng và trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc nói chung diễn ra khá nhiều và hết sức phức tạp. Trong đó các vi phạm trong quản lý, sử dụng đất đai liên quan đến diện tích đất giao cho Công ty K1 và các hộ gia đình đã diễn ra trong thời gian rất dài, mặc dù các sai phạm đó của Công ty TNHH K1 và các hộ dân đã được chỉ ra và kiến nghị xử lý qua mỗi lần các cơ quan Nhà nước thực hiện thanh, kiểm tra. Tuy nhiên đến nay việc giải quyết, xử lý vi phạm vẫn chưa triệt để, trách nhiệm này thuộc về chính quyền UBND các cấp và các tổ chức cá nhân có liên quan.

[2.4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Trường K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Phạm Trường K; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2023/HC-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về án phí: Ông Phạm Trường K phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do ông Phạm Chí D1 nộp thay tại Biên lai số 0000845 ngày 05/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THA dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tiến